

Bản án số: 86/2020/DS-PT

Ngày: 11 - 5 - 2020

V/v Tranh chấp hui.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Út

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thành Lập

Ông Dương Hùng Quang

- Thư ký phiên tòa: Bà Tạ Trà My – Là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 67/2019/TLPT-DS ngày 31 tháng 01 năm 2020 về việc “Tranh chấp hui”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 176/2019/DS-ST ngày 26 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 73/2020/QĐPT-DS ngày 18 tháng 02 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: 1. Bà Võ Hồng N, sinh năm 1964

2. Ông Nguyễn Trung T1, sinh năm 1962

Cùng cư trú tại: Ấp Đ, xã T, huyện Đ, tỉnh C ..

Người đại diện theo ủy quyền của bà N, ông T1: Anh Nguyễn Dương L, sinh năm 1994; (Văn bản ủy quyền ngày 10/9/2019).

Cư trú tại: Ấp Đ, xã T, huyện Đ, tỉnh C . (có mặt)

- Bị đơn: 1. Anh Phạm Hoàng T2, sinh năm 1984 (Có mặt).

2. Chị Trương Hồng P, sinh năm 1988 (Vắng mặt).

Cùng cư trú tại: Ấp Đ, xã T, huyện Đ, tỉnh C .

- Người kháng cáo: Anh Phạm Hoàng T2 – Là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 15/7/2019 và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:*

Anh Phạm Hoàng T2 và chị Trương Hồng P có tham gia hui do bà N và ông T1 làm đầu thảo, dây hui mở ngày 15/01/2014 (âm lịch), loại hui 2.000.000 đồng, mỗi tháng khai một lần, gồm 31 phần, anh T2 và chị P tham gia 03 phần. Ngày

15/01/2014 (âm lịch) lần mở hội đầu tiên, anh T2 và chị P bỏ 650.000 đồng, hốt hội lĩnh được 40.300.000 đồng; đến ngày 15/3/2014 (âm lịch), anh T2 và chị P bỏ 690.000 đồng, hốt hội lĩnh được 40.680.000 đồng; đến ngày 15/6/2014 (âm lịch), anh T2 và chị P bỏ 715.000 đồng, hốt hội lĩnh được 42.125.000 đồng. Sau khi hốt hội tính đến ngày 15/7/2015 (âm lịch) anh T2 và chị P nợ tiền hội chết 10.000.000 đồng và từ ngày 15/8/2015 (âm lịch) đến khi mãn hội anh T2 và chị P còn nợ 12 kỳ x 2.000.000 đồng x 3 phần = 72.000.000 đồng, tổng các khoản hội anh T2 và chị P nợ là 82.000.000 đồng. Đến năm 2018 anh T2 và chị P trả được 1.000.000 đồng và còn nợ lại 81.000.000 đồng. Bà N và ông T1 đã nhiều lần yêu cầu anh Tuấn và chị P trả lại số tiền này nhưng anh T2 và chị P không thực hiện việc trả nợ.

Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xác định chị P là người trực tiếp hốt hội của bà N và ông T1 nhưng thời gian tham gia hội chị P và anh T2 là vợ chồng và sống chung một nhà. Anh L vẫn yêu cầu anh T2 và chị P trả cho bà N và ông T1 tổng số tiền hội còn nợ là 81.000.000 đồng.

- *Bị đơn anh Phạm Hoàng T2 trình bày:* Việc chị P tham gia hội của bà N và ông T1, anh không hay biết, anh không liên quan trong dây hội này nên không đồng ý trả nợ theo yêu cầu của bà N và ông T1.

- *Đối với chị Trương Hồng P:* Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt các văn bản tố tụng đúng theo quy định của pháp luật nhưng chị P không có ý kiến gì và cũng không tham gia hòa giải, xét xử.

Từ nội dung vụ án nêu trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 176/2019/DS-ST ngày 26 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau đã quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Hồng N và ông Nguyễn Trung T1. Buộc chị Trương Hồng P trả cho bà N và ông T1 số tiền hội 40.500.000 đồng (Bốn mươi triệu năm trăm nghìn đồng); anh Phạm Hoàng T2 trả cho bà N và ông T1 số tiền hội 40.500.000 đồng (Bốn mươi triệu năm trăm nghìn đồng).

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 27/11/2019 anh Phạm Hoàng T2 kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, anh T2 cho rằng án sơ thẩm buộc anh cùng trả khoản nợ với chị P vợ anh là không đúng, vì số nợ hội trên chỉ là nợ riêng của chị P.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Anh T2 giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau phát biểu: Về tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử tiến hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng và các đương sự cũng chấp hành đúng với quyền và nghĩa vụ của các đương sự được pháp luật quy định. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm: Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; tuyên xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Phạm Hoàng T2; giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, xét kháng cáo của anh Phạm Hoàng T2. Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1] Về tố tụng: Tòa sơ thẩm đã thụ lý đúng thẩm quyền và giải quyết đúng quan hệ pháp luật tranh chấp theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, nhưng chị Trương Hồng P vắng mặt, nên việc xét xử vắng mặt chị P được thực hiện theo thủ tục chung của pháp luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung tranh chấp: Nguyên đơn xác định anh Phạm Hoàng T2 và chị Trương Hồng P có tham gia hội do bà N và ông T1 làm đầu thảo, đây hội mở ngày 15/01/2014 (âm lịch), loại hội 2.000.000 đồng, mỗi tháng khai một lần, gồm 31 phần, anh T2 và chị P tham gia 03 phần. Ngày 15/01/2014 (âm lịch) lần mở hội đầu tiên, anh T2 và chị P bỏ 650.000 đồng, hót hội lĩnh được 40.300.000 đồng; đến ngày 15/3/2014 (âm lịch), anh T2 và chị P bỏ 690.000 đồng, hót hội lĩnh được 40.680.000 đồng; đến ngày 15/6/2014 (âm lịch), anh T2 và chị P bỏ 715.000 đồng, hót hội lĩnh được 42.125.000 đồng. Sau khi hót hội tính đến ngày 15/7/2015 (âm lịch) anh T2 và chị P nợ tiền hội chết 10.000.000 đồng và từ ngày 15/8/2015 (âm lịch) đến khi mãn hội anh T2 và chị P còn nợ 12 kỳ x 2.000.000 đồng x 03 phần = 72.000.000 đồng, tổng các khoản hội anh T2 và chị P nợ là 82.000.000 đồng. Đến năm 2018 anh T2 và chị P trả 1.000.000 đồng và còn nợ lại 81.000.000 đồng. Bà N và ông T1 đã nhiều lần yêu cầu anh T2 và chị P trả lại số tiền này nhưng anh T2 và chị P không thực hiện việc trả nợ, từ đó phát sinh tranh chấp.

[3] Đối với chị P, Tòa án đã thông báo thụ lý vụ án, thông báo hòa giải và triệu tập hợp lệ chị P để tham gia giải quyết vụ án, nhưng chị P không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của bà N và ông T1. Tại biên bản ghi lời khai ngày 18/10/2019 do Tòa án thu thập đối với anh Lê Văn Ngọt (Bút lục 34), bà Trương Bé Sáu (Bút lục 32), bà Huỳnh Thị Huệ (Bút lục 30) là những hội viên tham gia hội cùng đây hội với anh T2 và chị P xác định vợ chồng chị P có tham gia hội do bà N và ông T1 làm chủ và trong quá trình tham gia hội, anh T2 và chị P đã hót hết các phần hội trong đây hội này. Từ đó có đủ cơ sở khẳng định anh T2 và chị P có tham gia hội do bà N và ông T1 làm chủ hội và trong quá trình tham gia hội chị P đã trực tiếp hót hội nhưng chị P không đóng đầy đủ hội chết cho bà N và ông T1 và hiện nay đây hội này đã mãn nên chị P phải có nghĩa vụ trả cho bà N và ông T1.

[4] Đối với anh T2, từ cấp sơ thẩm cũng như kháng cáo phúc thẩm xác định không biết, không liên quan đến hội này nên không đồng ý trả nợ theo yêu cầu của bà N và ông T1. Xét thấy các phần hội này phát sinh ngày 15/01/2014 (âm lịch), thời gian này anh T2 và chị P vẫn đang tồn tại mối quan hệ hôn nhân, vẫn còn sinh hoạt, chung sống với nhau trong một nhà và tại phiên tòa sơ thẩm anh T2 thừa nhận mọi chi phí sinh hoạt trong gia đình, nuôi con nhỏ đều do chị P lo liệu (lúc này anh T2 phải đi học lớp Trung cấp chính trị), nên khoản tiền nợ hội chết do chị P trực tiếp hót hội được xác định là nợ chung của chị P và anh T2 trong thời kỳ hôn nhân, vì vậy anh T2 phải có nghĩa vụ trả nợ cùng với chị P số tiền 81.000.000 đồng cho nguyên đơn (mỗi người có nghĩa vụ trả $\frac{1}{2}$ cho bà N và ông T1) là có căn cứ.

[6] Do anh T2 kháng cáo nhưng không có chứng cứ chứng minh, nên cấp phúc thẩm không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh T2, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm như đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là phù hợp.

[7] Về án phí:

- Án phí sơ thẩm: Bản án sơ thẩm đã xử lý là phù hợp, nên được giữ nguyên.
- Án phí phúc thẩm: Anh T2 phải chịu 300.000 đồng, anh T2 đã dự nộp được chuyển thu đối trừ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Phạm Hoàng T2.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 176/2019/DS-ST ngày 26 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Đàm Dơi, tỉnh Cà Mau.

Tuyên xử

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Hồng N và ông Nguyễn Trung T1.

Buộc chị Trương Hồng P trả cho bà Võ Hồng N và ông Nguyễn Trung T1 số tiền hội 40.500.000 đồng (Bốn mươi triệu năm trăm nghìn đồng); anh Phạm Hoàng T2 trả cho bà Võ Hồng N và ông Nguyễn Trung T1 số tiền hội 40.500.000 đồng (Bốn mươi triệu năm trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày bà N và ông T1 có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh T2, chị P chậm thi hành khoản tiền trên, thì hàng tháng anh T2, chị P còn phải chịu thêm khoản lãi suất chậm thi hành theo mức lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng số tiền và thời gian chậm thi hành.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Võ Hồng N và ông Nguyễn Trung T1 không phải chịu án phí; hoàn trả lại cho bà Võ Hồng N và ông Nguyễn Trung T1 1.013.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp tại biên lai số 0009653 ngày 22 tháng 7 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đàm Dơi, tỉnh Cà Mau.

- Anh Phạm Hoàng T2 phải chịu án phí 2.025.000 đồng (Hai triệu không trăm hai mươi lăm nghìn đồng), anh T2 chưa nộp.

- Chị Trương Hồng P phải chịu án phí 2.025.000 đồng (Hai triệu không trăm hai mươi lăm nghìn đồng), chị P chưa nộp.

- *Án phí phúc thẩm:* Anh Phạm Hoàng T2 phải chịu 300.000 đồng, ngày 17/12/2019 anh T2 đã dự nộp tạm ứng số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu số

0010077 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau được chuyển thu đối trừ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục THADS huyện Đầm Dơi;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Văn Út

